

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 517/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 14/8/2024

“V/v tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Dương Thùy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đoàn Văn Hiến;
- Ông Nguyễn Ngọc Bờ.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thị Bích Hợp – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa:**
Ông Lê Văn Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 324/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2024 về “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 412/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 08/7/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 495/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26/7/2024 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông **Nguyễn Bảo Q**, sinh năm 1984. Địa chỉ cư trú: Số nhà A, tổ C, khóm V, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang (Có mặt).

2. **Bị đơn:** Bà **Lâm Thị N**, sinh năm 1984. Địa chỉ cư trú: tổ C, khóm V, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/5/2024 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Bảo Q trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà Lâm Thị N tự nguyện quen nhau và tự nguyện kết hôn vào năm 2006, ông bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 242, quyển số 02/2006, đăng ký ngày 07/11/2006. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, về sau phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bà N tự gây nợ, nhiều lần chủ nợ đến nhà đòi, từ đó vợ chồng hay cãi vã với nhau, ông làm việc dành dụm để trả nợ nhưng bà N vẫn không

thay đổi. Vợ chồng dần nhạt phai tình cảm, bất đồng quan điểm sống, hôn nhân không còn hạnh phúc. Cách nay mấy tháng, bà N đã tự bỏ nhà đi, vợ chồng xa cách, không còn tiếng nói chung. Nay, ông nhận thấy cuộc sống hôn nhân giữa ông và bà N đã mâu thuẫn trầm trọng, ông quá mệt mỏi nên ông khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà N.

Về con chung: Ông Q khai vợ chồng có 01 (một) con chung là cháu Nguyễn Quốc Vương K, sinh ngày 05/8/2006, hiện con đang sống cùng ông. Khi ly hôn, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn bà Lâm Thị N vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không gửi văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

Tòa án tiến hành xác minh, được biết bà Lâm Thị N hiện có đăng ký thường trú và đang sinh sống tại khóm V, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang. Tình trạng hôn nhân giữa ông Q và bà N mâu thuẫn như thế nào thì Ban áp không nắm rõ do ông bà không có yêu cầu Ban áp hòa giải.

Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà N vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Đồng thời ghi nhận ý kiến, nguyện vọng của cháu Nguyễn Quốc Vương K, khi ba mẹ cháu ly hôn, cháu có nguyện vọng được sống với ông Q.

**** Tại phiên tòa:***

- Nguyên đơn ông Q trình bày: Ông vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn với bà N, ông cho rằng giữa ông và bà N đã không còn tình cảm, ngoài việc gây nợ nhiều lần, có lần ông bắt gặp bà N nhắn tin điện thoại tình cảm với người đàn ông khác. Hơn nữa bà N lại tiếp tục bỏ nhà đi, trước đây đi một vài tháng rồi về, giờ lại đi nữa. Hiện ông và bà N đã ly thân gần một năm nay. Ông đã suy nghĩ rất kỹ, không muốn tiếp tục chung sống với bà N, ông vẫn cương quyết ly hôn. Về con chung, tính đến ngày xét xử hôm nay, cháu K đã đủ 18 tuổi, có khả năng tự lao động được nên ông không yêu cầu giải quyết về con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Ông cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn bà Lâm Thị N vắng mặt, không có đơn xin xét xử vắng mặt.

** Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, không

có lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không gửi văn bản trình bày ý kiến về vụ án là chưa chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho ông Q được ly hôn với bà N. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí sơ thẩm: Đề nghị buộc ông Q phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn ông Q khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết con chung đối với bị đơn bà N nên khi thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”. Tuy nhiên, tại phiên tòa, ông Q xác định lại chỉ yêu cầu giải quyết ly hôn, không yêu cầu giải quyết về con chung nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “*Tranh chấp ly hôn*”. Bị đơn bà N có địa chỉ cư trú tại thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Châu Phú có thẩm quyền thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[1.2] Về sự có mặt, vắng mặt của các đương sự:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn có mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, không có lý do, không có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân:

Ông Nguyễn Bảo Q và bà Lâm Thị N tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 242, quyển số 02/2006, đăng ký ngày 07/11/2006 nên căn cứ vào Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên công nhận hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng.

Xét thấy vợ chồng có nghĩa vụ sống chung, thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, theo ông Q trình bày, quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bà N gây nợ nhiều lần, ông đều trả nợ

thay nhưng bà N vẫn không thay đổi, có lần ông bắt gặp bà N nhắn tin với người đàn ông khác, từ đó vợ chồng thường hay cãi vã, không có tiếng nói chung, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, vợ chồng đã ly thân gần một năm nay.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng, cũng như tiến hành mở phiên hòa giải để bà N trình bày ý kiến, cũng như tạo điều kiện cho ông Q và bà N có cơ hội được cùng nhau nói chuyện, giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm với nhau nhưng bà N đều vắng mặt. Cho thấy bà N đã tự từ bỏ quyền tham gia tố tụng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, đồng thời cho thấy bà N không còn yêu thương, quan tâm đến cuộc sống hôn nhân với ông Q. Tại phiên tòa, mặc dù đã được Hội đồng xét xử động viên ông Quốc suy nghĩ L, tạo điều kiện, cơ hội đoàn tụ lại với bà N nhưng ông Q vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn với bà N, cho thấy cả ông Q và bà N đều không tha thiết hàn gắn, duy trì mối quan hệ hôn nhân này.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy hôn nhân giữa ông Q và bà N đã thật sự lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn khả năng hàn gắn tình cảm với nhau. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Q, cho ông Q được ly hôn với bà N là phù hợp với quy định tại Điều 19, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú.

[2.2] Về con chung:

Ông Q khai ông và bà N có 01 con chung là cháu Nguyễn Quốc Vương K, sinh ngày 05/8/2006, hiện con đang sống cùng ông. Khi ly hôn, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên, tính đến ngày xét xử hôm nay 14/8/2024 thì cháu K đã trên 18 tuổi, tại phiên tòa ông Q cũng xác định cháu K đã trên 18 tuổi và tự có khả năng lao động được nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về con chung.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Q không yêu cầu giải quyết, bà N không có ý kiến về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Trường hợp sau này, ông Q và bà N hay ai khác có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án khác.

[3] Về án phí sơ thẩm: Ông Q là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 19, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Bảo Q.

- Về hôn nhân: Cho ông Nguyễn Bảo Q được ly hôn với bà Lâm Thị N.

Giấy chứng nhận kết hôn số 242, quyển số 02/2006, đăng ký ngày 07/11/2006 do Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang cấp cho ông Nguyễn Bảo Q và bà Lâm Thị N không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Ông Q và bà N có 01 con chung là cháu Nguyễn Quốc Vương K, sinh ngày 05/8/2006. Hiện cháu K đã trên 18 tuổi và có khả năng lao động được nên không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

- Về án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Bảo Q phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm mà ông Q đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án, lệ phí Tòa án số: 0005703 ngày 20 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú nên ông Q không phải nộp thêm.

- Về quyền kháng cáo: Ông Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bà N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát ND tỉnh AG;
- Viện kiểm sát ND H. Châu Phú;
- Chi cục THA DS H. Châu Phú;
- UBND TT Cái Dầu;
- Đương sự;
- Lưu VP; hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Dương Thùy Dung

